

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/DS-ST
Ngày: 10-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;
2. Bà Phạm Thị Thu Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 1057/2025/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Trung H; địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1994; địa chỉ: 2 đường số A, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/05/2023 Ông T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 143.995.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 96.695.990 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tạm tính đến ngày 10/03/2026, Ông T còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 56.774.924 đồng; Lãi quá hạn: 56.014.110 đồng. Tổng cộng: 112.789.034 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm ba mươi bốn đồng).

Quá trình thanh toán đến ngày 05/01/2024 ông T còn nợ cuối kỳ là 56.774.924 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng). Mặc dù nhiều lần Ngân hàng đã yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán nên toàn bộ khoản vay đã chuyển qua nợ quá hạn, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng kính mong quý tòa thụ lý vụ án và giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc ông Nguyễn Hoàng T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/03/2026 là 112.789.034 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó: Dư nợ gốc: 56.774.924 đồng; Lãi quá hạn: 56.014.110 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Hoàng T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/03/2026 cho đến khi trả xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Tóm tắt bản sao kê; Thông báo khởi kiện; Thông báo số 1768 ngày 27/5/2025; Điều lệ Ngân hàng; Giấy ủy quyền số 1052A ngày 08/4/2025; Quyết định số 5252 ngày 27/12/2023; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân; Giấy ủy quyền số 4587 ngày 02/10/2025; CCCD Vũ Minh Q; CCCD Nguyễn Quang Trung H; Giấy ủy quyền số 1806A ngày 29/5/2025; CCCD Nguyễn Hoàng T; Quyết định số 3481 ngày 21/5/2025; Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân; Quyết định số 2661 ngày 28/10/2022; CCCD Phạm Hồng Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hoàng T đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại số B đường số A, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính pháp lý của hợp đồng: Xét Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 22/05/2023. Các bên tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117; về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119; Điều 385 về hợp đồng; Điều 400 về thời điểm giao kết hợp đồng; Điều 401 về hiệu lực của hợp đồng theo quy định Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Như vậy các hợp đồng nêu trên là hợp pháp nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Hoàng T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/03/2026 là 112.789.034 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó: Dư nợ gốc: 56.774.924 đồng; Lãi quá hạn: 56.014.110 đồng.

- Về nợ gốc: Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 22/05/2023, lệnh chuyển tiền, lịch sử thanh toán. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Nguyễn Hoàng T có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 56.774.924 đồng. Quá trình vay ông T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 143.995.000 đồng, ông T đã thanh toán 96.695.990 đồng. Còn nợ lại số tiền gốc là 56.774.924 đồng, khoản vay đã chuyển qua nợ quá hạn kể từ ngày 05/01/2024 đến nay.

Xét bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng vi phạm điều khoản thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng đã ký. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 56.774.924 đồng có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Xét theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 22/05/2023 lãi suất cho vay

Theo quy định tại Điều 100 và Điều 107 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2024, nguyên đơn là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, nguyên đơn và bị đơn được quyền thỏa thuận lãi suất và phí cấp tín dụng theo quy định pháp luật. Như vậy thỏa thuận lãi suất giữa ngân hàng, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T là đúng quy định pháp luật. Từ ngày 05/01/2024, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn. Do đó, nguyên đơn căn cứ vào lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng cho vay để tính lại là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 10/03/2026) gồm: Dư nợ gốc: 56.774.924 đồng; Lãi quá hạn: 56.014.110 đồng. Tổng cộng: 112.789.034 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm ba mươi bốn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tiền lãi, lãi quá hạn tiếp tục được tính từ ngày 11/03/2026 cho đến ông Nguyễn Hoàng T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đã ký.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 385, Điều 400; 401; 463; Điều 466; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 100 và Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

- Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T.

- Buộc ông Nguyễn Hoàng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/03/2026 là 112.789.034 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó: Dư nợ gốc: 56.774.924 đồng; Lãi quá hạn: 56.014.110 đồng.

Kể từ ngày 11/03/2026, ông Nguyễn Hoàng T còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng theo quy định đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu 5.639.452 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.523.802 đồng (Bằng chữ: hai triệu năm trăm hai mươi ba nghìn tám trăm lẻ hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045387 ngày 03/12/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 16 – thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Nguyễn Thị Kim Hạnh